

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG NHÓM TRONG GIẢNG DẠY CÁC MÔN TIẾNG ANH TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KẾ HOẠCH ĐÀ NẴNG

ĐẶNG THỊ MINH NGUYỆT
Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng

Nhận bài ngày 03/9/2025. Sửa chữa xong 25/9/2025. Duyệt đăng 06/10/2025.

Abstract

Following the active teaching approach that places learners at the center, one of the increasingly popular methods is the organization of group activities to promote learner engagement and autonomy. This approach has been widely implemented in teaching English at Danang College of Economics and Planning. However, to ensure its effectiveness, improvements are required from both teachers and students. Enhancing collaboration, designing appropriate tasks, and strengthening communication within groups are essential to improving the overall quality of English teaching and learning at the institution.

Keywords: Effective learning and teaching, group activities, groupwork, learning activities, learning English.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay với xu thế áp dụng phương pháp dạy học lấy học sinh (HS) làm trung tâm, việc nghiên cứu ứng dụng các phương pháp giúp HS chủ động trong việc học là một trong những mối quan tâm hàng đầu của đội ngũ các giảng viên, đặc biệt đối với môn Tiếng Anh tại các trường cao đẳng. Việc áp dụng các hình thức tổ chức dạy học phù hợp là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng giảng dạy, trong đó hoạt động nhóm là một hình thức được áp dụng phổ biến hiện nay. Các nhà nghiên cứu đều đánh giá cao vai trò của hoạt động nhóm trong dạy học. Theo Brown, hoạt động nhóm tạo ra nhiều cơ hội tương tác ngôn ngữ và sẽ giúp làm tăng trách nhiệm và tính tự chủ của người học [1], [2, tr. 272-273]. Nunan cũng chỉ ra rằng hoạt động nhóm mang lại nhiều cơ hội sử dụng ngôn ngữ hơn so với thảo luận do giáo viên dẫn dắt; chất lượng hội thoại của người học được cải thiện nhờ đàm phán và điều chỉnh diễn ngôn [7, tr. 207 -228]. Trong bài viết này, tác giả làm rõ thực trạng việc tổ chức hoạt động nhóm trong các lớp Tiếng Anh tại trường, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động nhóm trong việc giảng dạy Tiếng Anh.

Việc nghiên cứu và khảo sát được tiến hành trên SV các lớp Tiếng Anh tại Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng (CEP) và các giáo viên đã dạy các nhóm SV này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nhóm và hoạt động nhóm trong dạy học

Theo Johnson & Johnson [6, tr. 6-8], nhóm là tập hợp những cá nhân có sự tương tác với nhau, cùng hướng đến mục tiêu chung. Nhóm có thể tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau và được hình thành trong nhiều bối cảnh như học tập, làm việc hay xã hội.

Trong nghiên cứu về phương pháp dạy ngôn ngữ Richards và Renandya [8, tr. 52-58] cho rằng trong hoạt động nhóm, người tham gia có thể viết một câu chuyện nhóm hoặc đóng vai một tình huống, các thành viên nói về nhiệm vụ của mình, cùng thảo luận, trao đổi ý kiến của mình và có thể giao cho nhóm chuẩn bị bài thuyết trình hoặc thảo luận cho vấn đề đặt ra.

Theo nhà nghiên cứu Brown [2, tr. 176-177], việc học nhóm mang lại những lợi ích như thúc đẩy việc sử dụng ngôn ngữ, tạo điều kiện cho SV chủ động giao tiếp trực tiếp với bạn cùng lớp, trao đổi ý kiến và phân chia vai trong hội thoại cho SV. Flowerdew [4, tr. 323-329] cho rằng hoạt động nhóm thúc đẩy sự hợp tác giữa các SV. Brown và Flowerdew cũng chỉ ra rằng học theo nhóm tạo bầu không khí thân mật và nâng cao trách nhiệm của người học và tính tự quản.

2.2. Thực trạng hoạt động nhóm trong các lớp học Tiếng Anh tại trường

Khảo sát được tiến hành vào học kỳ 2 năm học 2024-2025 trên toàn bộ 11 giảng viên Tiếng Anh tại trường. Các giảng viên đều có thâm niên giảng dạy từ trên 10 đến trên 20 năm và tham gia giảng dạy nhiều môn Tiếng Anh trong lớp SV chuyên ngành và cả các lớp SV không chuyên và tổng số 286 SV thực hiện khảo sát trực tiếp trên phiếu giấy tại lớp học.

2.2.1. Những thuận lợi

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn SV đều nhận thức rõ tầm quan trọng của hoạt động nhóm trong quá trình học tập Tiếng Anh. Có 84,3% SV chuyên ngành và 75% SV không chuyên đánh giá hoạt động nhóm là “rất quan trọng” hoặc “quan trọng”. Tỷ lệ này phản ánh thái độ tích cực và sự sẵn sàng tham gia của SV đối với các hình thức học tập hợp tác. Về tần suất tham gia hoạt động nhóm, kết quả khảo sát cho thấy có sự khác biệt đáng kể giữa hai nhóm SV. SV chuyên ngành Tiếng Anh tham gia hoạt động nhóm với tần suất thường xuyên hơn, với 75,5% số SV cho biết họ thường xuyên tham gia các hoạt động nhóm trong quá trình học. Trong khi đó, chỉ có 32,7% SV không chuyên có mức độ tham gia tương tự. Sự chênh lệch về tần suất tham gia này phần nào lý giải sự khác biệt về mức độ tự tin khi làm việc nhóm giữa hai nhóm đối tượng. Cụ thể, 49,1% SV chuyên ngành cảm thấy tự tin khi tham gia hoạt động nhóm, trong khi tỷ lệ này ở SV không chuyên chỉ đạt 36,7%. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự khác biệt này là do chương trình đào tạo giữa hai nhóm SV có sự khác nhau rõ rệt. SV không chuyên thường chỉ được học hai học phần liên quan đến tiếng Anh, bao gồm Tiếng Anh cơ bản và Tiếng Anh chuyên ngành, thời lượng và cơ hội thực hành tương đối hạn chế. Ngược lại, SV chuyên ngành Tiếng Anh được học nhiều học phần khác nhau, trải dài trên nhiều kỹ năng như nghe, nói, đọc, viết, dịch thuật, thuyết trình, làm việc nhóm, dự án.

Xét về mức độ hấp dẫn của các đề tài được triển khai trong hoạt động nhóm, phần lớn SV đều có đánh giá tích cực. Hơn 50% SV chuyên ngành và gần 50% SV không chuyên cho rằng các đề tài mà giảng viên đưa ra trong các buổi làm việc nhóm là hấp dẫn, phù hợp với sở thích học tập và có khả năng khơi gợi tính chủ động, tích cực của người học. Những đề tài này thường gắn liền với nội dung thực tiễn, mang tính ứng dụng cao, giúp SV không chỉ phát triển kỹ năng ngôn ngữ mà còn nâng cao khả năng tư duy, giao tiếp và hợp tác. Nhóm SV không chuyên có xu hướng đánh giá mức độ hấp dẫn của đề tài thấp hơn so với SV chuyên ngành, điều này có thể xuất phát từ sự khác biệt về mức độ quan tâm đến môn học, trình độ tiếng Anh, hoặc sự tự tin khi tham gia vào các chủ đề có tính giao tiếp cao. Các hình thức hoạt động nhóm được triển khai trong lớp học Tiếng Anh đối với hai nhóm SV – chuyên ngành và không chuyên – có xu hướng tương đồng về mức độ phổ biến, theo thứ tự từ cao đến thấp, mặc dù tỉ lệ của nhóm chuyên ngành ở mức cao hơn. Hình thức phổ biến nhất là làm bài tập nhóm, với 86% SV chuyên ngành và 67,2% SV không chuyên từng tham gia. Tiếp theo là thảo luận nhóm, được ghi nhận bởi 78,9% SV chuyên ngành và 67,2% SV không chuyên. Trình bày nhóm cũng là một hình thức tương đối phổ biến, đặc biệt trong nhóm SV chuyên ngành (73,7%), tuy nhiên tỷ lệ này giảm xuống còn 42,8% ở nhóm SV không chuyên. Đối với hai hình thức hoạt động nhóm có mức độ phức tạp cao hơn là tranh luận nhóm và viết nhóm, tỷ lệ SV từng tham gia lại ở mức thấp hơn đáng kể. Cụ thể, chỉ 28,1% SV chuyên ngành từng tham gia mỗi hình thức này, trong khi ở nhóm SV không chuyên, tỷ lệ này chỉ đạt 18,3% đối với tranh luận nhóm và 14,8% đối với viết nhóm. Sự hạn chế trong việc triển khai hai hình thức này có thể bắt nguồn từ yêu cầu cao về kỹ năng ngôn ngữ, tư duy phản biện và sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên, khiến giáo viên ít lựa chọn áp dụng trong thực tế giảng dạy, đặc biệt là đối với SV không chuyên có nền tảng tiếng Anh hạn chế hơn.

2.2.2. Về phía giảng viên

Đa số giảng viên đều đánh giá cao vai trò và hiệu quả của hoạt động nhóm trong quá trình dạy và học Tiếng Anh và tần suất tổ chức hoạt động nhóm cũng ở mức cao, với 90,9% giảng viên cho biết họ triển khai hoạt động nhóm “thường xuyên” hoặc “rất thường xuyên” trong các giờ học Tiếng Anh. Về cách thức tổ chức, giảng viên đã linh hoạt trong việc chia nhóm, tùy theo mục tiêu và tính chất của bài học. Cụ thể, 100% giảng viên sử dụng hình thức nhóm nhỏ từ 4–5 SV, trong khi 90,9% cũng thường xuyên sử dụng hình thức nhóm đôi, giúp tăng tính linh hoạt và mức độ tương tác giữa các thành viên.

Có 45,5% giảng viên cho biết họ đã sử dụng các phần mềm và công cụ trực tuyến nhằm hỗ trợ việc tổ chức và quản lý hoạt động nhóm trong lớp học Tiếng Anh. Việc ứng dụng các nền tảng trực tuyến như Google Docs, Padlet, Zoom breakout rooms, hay các ứng dụng học tập tích hợp tính năng làm việc nhóm không chỉ giúp tiết kiệm thời gian mà còn góp phần nâng cao hiệu quả hợp tác trong môi trường học tập linh hoạt và hiện đại.

2.2.3. Những khó khăn khi tổ chức và tham gia hoạt động nhóm

a. Đối với sinh viên

Một tỷ lệ lớn SV – gồm 75,4% SV chuyên ngành và 65,9% SV không chuyên – cho biết họ gặp khó khăn trong giao tiếp bằng tiếng Anh khi làm việc nhóm. Nguyên nhân chủ yếu được xác định là do vốn từ vựng và kiến thức ngữ pháp còn hạn chế, cùng với tâm lý sợ mắc lỗi khi nói, khiến họ trở nên dè dặt và thụ động trong quá trình tương tác. Bên cạnh đó, 57,9% SV chuyên ngành và 46,3% SV không chuyên cũng cho biết họ thiếu tự tin và cảm thấy ngại giao tiếp khi tham gia làm việc nhóm.

Bên cạnh những khó khăn về ngôn ngữ và tâm lý, SV còn phải đối mặt với những trở ngại trong quá trình hợp tác nhóm, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của hoạt động. Một tỷ lệ đáng kể SV – gồm 35,1% SV chuyên ngành và 29,3% SV không chuyên – cho biết họ từng gặp tình huống trong đó một hoặc vài thành viên trong nhóm thiếu tinh thần hợp tác, không hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

b. Đối với giảng viên

Một trong những khó khăn nổi bật nhất là hạn chế trong năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh của SV. Cụ thể, có tới 90,9% giảng viên cho rằng đây là một trở ngại đáng kể, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tương tác giữa các thành viên trong nhóm cũng như hiệu quả chung của quá trình làm việc nhóm. Bên cạnh đó, sự chênh lệch về trình độ tiếng Anh giữa các thành viên trong cùng một nhóm cũng là yếu tố gây khó khăn, được 72,7% giảng viên xác nhận. Một vấn đề khác cũng được các giảng viên phản ánh là sự yếu kém về các kỹ năng làm việc nhóm cần thiết ở một bộ phận SV. Có 45,5% giảng viên cho biết nhiều SV vẫn chưa thành thạo các kỹ năng cơ bản để làm việc nhóm hiệu quả. Theo số liệu khảo sát, có đến 72,7% giảng viên cho rằng SV thường không thể hiện sự chủ động và nhiệt tình cần thiết khi tham gia vào các nhiệm vụ nhóm. Thái độ thụ động này cũng có thể bắt nguồn từ những nguyên nhân khác như thiếu hứng thú với chủ đề thảo luận, lo ngại về khả năng sử dụng tiếng Anh, thiếu kỹ năng hợp tác, thái độ chủ quan của nhóm SV không chuyên khi xem tiếng Anh chỉ là môn học phụ trong chuyên ngành học hoặc đơn giản là chưa nhận thức đầy đủ về vai trò và lợi ích của việc làm việc nhóm trong quá trình học tập.

2.3. Giải pháp

2.3.1. Nâng cao kiến thức từ vựng, ngữ pháp

Để tăng cường vốn từ vựng giảng viên nên yêu cầu SV tìm từ vựng liên quan đến đề tài trước khi tham gia thảo luận nhóm hoặc giảng viên cung cấp từ vựng liên quan đến đề tài và yêu cầu SV xem trước và học thuộc. Giảng viên tải từ vựng mới liên quan đến chủ đề làm việc nhóm lên ứng dụng học từ vựng như Quizlet, Anki hoặc Memrise để SV học hiệu quả hơn [3].

Đối với nhóm SV chuyên ngành có thể yêu cầu nhóm tự chuẩn bị từ vựng bằng cách trình bày

trên slide nêu nghĩa của từ, từ loại, phiên âm từ và ví dụ câu có dùng từ đó. Các slide có thể được trình bày trước lớp (nếu bố trí được thời gian), hoặc nộp cho giảng viên để kiểm tra và ghi điểm cộng cho nhóm. Giảng viên có thể kiểm tra lại kiến thức từ vựng thông qua các trò chơi game từ vựng trên các ứng dụng công nghệ, SV nào đạt điểm cao trong phần này sẽ được cộng điểm thêm ngoài kết quả chung của nhóm.

Bên cạnh đó, giảng viên có thể tổ chức các hoạt động nhóm về từ vựng như vận dụng các từ đã học vào thực hành viết bài luận, kể câu chuyện... bằng Tiếng Anh giúp SV nâng cao vốn từ vựng và nhớ từ vựng lâu hơn.

Giảng viên nên khuyến khích SV đọc báo, xem phim hay nghe nhạc tiếng Anh để giúp SV tích lũy từ vựng thông qua ngữ cảnh; từ đó giảng viên có thể tổ chức các hoạt động nhóm liên quan đến nội dung bộ phim hay bài hát.

Ngoài ra, giảng viên cần tổ chức các hoạt động nhóm giúp SV nâng cao kiến thức ngữ pháp, yêu cầu SV thảo luận giải các bài tập ngữ pháp với các chủ đề ngữ pháp khác nhau hoặc thực hành viết bài luận, nhật ký... từ dễ đến khó giúp SV áp dụng kiến thức ngữ pháp vào thực tế [5].

2.3.2. Cải thiện sự tự tin trong giao tiếp

Giảng viên cần tổ chức các hoạt động nhóm thường xuyên, xuyên suốt trong học kỳ để tăng cường tần suất tham gia của SV, đặc biệt đối với SV không chuyên, tạo cơ hội cho SV được trình bày trước lớp nhiều lần.

Giảng viên tạo môi trường nhóm tích cực và an toàn, khuyến khích thái độ tôn trọng và lắng nghe trong nhóm, tránh phán xét hoặc chê bai khi bạn đưa ra ý kiến. Giảng viên cần có những phản hồi tích cực, ghi nhận những ưu điểm những mặt SV đã đạt được và giao việc theo thể mạnh hoặc sở thích để tăng sự tự tin. Giảng viên cần theo dõi, nhận diện những thành viên còn rụt rè để hỗ trợ, khích lệ đúng lúc.

2.3.3. Phân công nhiệm vụ hợp lý

Việc phân công nhiệm vụ trong nhóm ban đầu nên dựa trên năng lực và trình độ tiếng Anh, thành viên giỏi hơn giao nhiệm vụ đòi hỏi trình bày, thuyết trình, tổng hợp ý chính. Thành viên yếu hơn giao nhiệm vụ đơn giản hơn như ghi chú, tra cứu từ vựng, hỗ trợ phần nội dung... Điều này giúp người giỏi rèn kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nâng cao, còn người yếu được học hỏi và thực hành ở mức độ phù hợp.

Việc phân công nhiệm vụ đôi khi cũng nên dựa trên thể mạnh hoặc sở thích để tăng sự tự tin cho các thành viên và giúp họ đam mê hơn với mảng công việc của mình.

Những bài tập nhóm tiếp theo nên luân phiên vai trò trong các buổi khác nhau giúp mỗi người được trải nghiệm nhiều vai trò khác nhau và phát triển kỹ năng toàn diện.

Nên giao nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, tránh tình trạng “cùng làm tất cả” gây chông chéo hoặc “đùn đẩy trách nhiệm”. Giảng viên nên tạo phiếu phân công (task sheet) để ghi rõ ai làm gì, có thể in ra hoặc gửi trong nhóm chat.

2.3.4. Khắc phục sự chênh lệch trình độ giữa các thành viên trong nhóm

Nên phân vai trò phù hợp năng lực, giao nhiệm vụ dựa theo trình độ, nhưng không nên quá “dễ dãi” với người yếu, vì như vậy họ sẽ không tiến bộ. Người giỏi có thể hỗ trợ, nhưng không làm thay.

Trong một nhóm 4–6 người có thể chia thành các cặp nhỏ gồm một người giỏi và một người yếu hơn. Cặp đôi sẽ cùng thảo luận, sửa lỗi, chia sẻ từ vựng, sau đó mới ghép lại làm bài chung của nhóm. Hình thức này tạo điều kiện học hỏi lẫn nhau mà vẫn đảm bảo tiến độ.

Giảng viên có thể thiết kế nhiệm vụ đa cấp độ (multi-level tasks) với độ khó khác nhau để ai cũng có thể tham gia. Sau đó nhóm ghép lại thành một sản phẩm chung.

Giảng viên cũng nên chú ý xây dựng văn hóa hỗ trợ và khích lệ trong nhóm, trong lớp. Cần khuyến khích sự tôn trọng, không chê bai khi ai đó nói sai hoặc phát âm chưa chuẩn.

Sau khi kết thúc hoạt động, mỗi thành viên tự đánh giá và đánh giá đồng đội. Điều này giúp ý thức trách nhiệm cá nhân tăng lên và tránh tình trạng “ỷ lại người giỏi”.

2.3.5. Nâng cao tinh thần hợp tác, tích cực trong hoạt động nhóm

Giảng viên cần xác định nguyên nhân cụ thể SV không tham gia tích cực, không hợp tác để tìm cách giải quyết phù hợp. Ví dụ khi sinh viên thiếu tự tin về Tiếng Anh, nên giao cho SV các nhiệm vụ đơn giản hay do SV không hiểu vai trò trong nhóm thì giảng viên nên phân công nhiệm vụ chi tiết, rõ ràng, cụ thể, đo lường được cho từng người. Giảng viên có thể dùng “Task Sheet” - bảng phân công có tên, vai trò, deadline. Điều này khiến SV thấy trách nhiệm rõ ràng và khó “né tránh”.

Đối với nhóm lớp SV không chuyên, thụ động và không tích cực tham gia thì một điều quan trọng là giảng viên nên giao nội dung tương đối dễ, phù hợp với khả năng chung của các thành viên và đồng thời cần kiểm soát, tạo sự luân phiên cho SV, tránh tình trạng chỉ có vài SV thực hiện còn lại các SV khác ăn theo điểm chung của nhóm. Có thể đưa ra cơ chế đánh giá cá nhân sau mỗi hoạt động nhóm, cho SV tự đánh giá và đánh giá bạn cùng nhóm theo mức độ đóng góp (có thể chấm điểm hoặc nhận xét ngắn).

Giảng viên có thể đưa ra tiêu chí đánh giá tần suất tham gia thuyết trình nhóm vào cột điểm đánh giá thường xuyên, hoặc cộng thêm điểm cho cột điểm đánh giá định kỳ để tạo động lực cho SV.

Giảng viên nên tổ chức các hoạt động giúp gắn kết nhóm, tạo động lực bằng các trò chơi "ice-breaker" đầu giờ để tăng tinh thần nhóm. Khuyến khích các nhóm đặt tên, slogan riêng tăng tính “tập thể”.

Giảng viên khen thưởng nhóm có tinh thần hợp tác tốt. Có thể tặng điểm thưởng, lời khen trước lớp cho nhóm có sự phân công rõ ràng, tiến bộ đều giữa các thành viên. Những SV thụ động có thể sẽ cảm thấy muốn tham gia nhiều hơn vì được công nhận.

2.3.6. Đối với việc đánh giá hiệu quả làm việc nhóm

Để đánh giá hiệu quả làm việc nhóm trong môn học Tiếng Anh, cần có tiêu chí rõ ràng, công bằng và phù hợp với mục tiêu rèn luyện ngôn ngữ. Có thể dựa trên các tiêu chí sau:

+ Mức độ tham gia của từng thành viên: Mỗi thành viên có tham gia vào quá trình thảo luận không và có thực hiện đúng vai trò được giao không.

+ Kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong quá trình làm việc: Sử dụng từ vựng, ngữ pháp phù hợp; khả năng phát âm, diễn đạt ý tưởng rõ ràng; mức độ sử dụng tiếng Anh thay vì tiếng Việt trong quá trình nhóm làm việc.

+ Sản phẩm cuối cùng của nhóm (bài viết, thuyết trình, đoạn hội thoại...): nội dung đúng yêu cầu, sáng tạo; cấu trúc mạch lạc, rõ ràng; ngôn ngữ chính xác, phù hợp trình độ; hình thức trình bày đẹp, có hình ảnh/sắp xếp hợp lý.

+ Tinh thần hợp tác và kỹ năng làm việc nhóm: phân công công việc hợp lý, có sự hỗ trợ lẫn nhau; giao tiếp tôn trọng, lắng nghe; giải quyết bất đồng hiệu quả (nếu có)

+ Tiến độ và sự chủ động: Nhóm hoàn thành đúng thời gian và có chủ động nộp bài sớm/chuẩn bị kỹ hay không.

Giảng viên có thể cho sinh viên tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. Các nhóm tự chấm điểm hoặc nhận xét theo tiêu chí giúp SV nhìn lại quá trình học và cải thiện lần sau và đây cũng là kênh để giảng viên dựa vào trong quá trình đánh giá SV.

3. Kết luận

Sự phát triển của phương pháp dạy ngoại ngữ theo mục đích giao tiếp đã mang đến cho người dạy nhiều sự lựa chọn. Tuy nhiên để có thể chọn ra được những hoạt động giao tiếp phù hợp trong một lớp học ngoại ngữ lại phụ thuộc không chỉ vào mục đích học tập mà còn vào ngữ cảnh nơi diễn

ra quá trình hoạt động ấy. Việc sử dụng hoạt động nhóm làm phương tiện để thúc đẩy giao tiếp bằng tiếng Anh trong giờ học ngoại ngữ cũng như nâng cao năng lực giao tiếp của sinh viên là sự lựa chọn hợp lý. Dù người giảng viên dạy Tiếng Anh có giỏi về chuyên môn nhưng không có sự tương tác và giao tiếp với SV của mình thì người dạy đó khó có thể coi là một giảng viên dạy học thành công. Giới về kiến thức và chuyên môn chưa đủ mà người dạy còn phải biết tổ chức các hoạt động giao tiếp có ích, đưa ra những phản hồi, có sự khen ngợi, động viên khích lệ. Có như vậy thì người dạy mới tạo được một không khí học hứng thú và thoải mái cho SV. Bên cạnh đó, có sự chỉ dẫn và hỗ trợ kịp thời cho SV cũng rất quan trọng nhờ đó mà hoạt động giao tiếp và sau đó là nhiệm vụ học tập mới thành công và có hiệu quả.

Việc ứng dụng hoạt động nhóm trong dạy và học Tiếng Anh là một hướng tiếp cận tích cực, phù hợp với xu thế đổi mới giáo dục hiện nay. Tuy nhiên, để hình thức này thực sự mang lại hiệu quả, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa giảng viên, SV và nhà trường. Mỗi chủ thể cần thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình: giảng viên là người thiết kế và tổ chức khoa học; sinh viên là người tham gia chủ động và trách nhiệm; nhà trường là nơi tạo điều kiện, môi trường và cơ chế hỗ trợ.

Những giải pháp được đề xuất không chỉ nhằm nâng cao chất lượng học tập Tiếng Anh trong nhà trường mà còn góp phần rèn luyện năng lực làm việc nhóm – một trong những kỹ năng quan trọng nhất của công dân thời đại số và hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- [1] Brown, H. D. (2001). *Teaching by principles: An interactive approach to language pedagogy*. Longman.
- [2] Brown, H. D. (1994). *Teaching by principles: An interactive approach to language pedagogy*. Prentice Hall Regents.
- [3] Dörnyei, Z. (2001). *Motivational strategies in the language classroom*. Cambridge University Press.
- [4] Flowerdew, L. (1998). *A cultural perspective on group work*. *ELT Journal*, 52(4), 323-329.
- [5] Harmer, J. (2007). *The practice of English language teaching* (4th ed.). Pearson Longman.
- [6] Johnson, D. W., & Johnson, F. P. (1997). *Joining together: Group theory and group skills* (12th ed.). Allyn & Bacon.
- [7] Nunan, D. (1992). *Research methods in language learning*. Cambridge University Press.
- [8] Richards & Renandya, eds. (2004). *Methodology in language teaching: An anthology of current practice*. Cambridge University Press.